

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON HÒA MI

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Mầm non Hòa Mi
Năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	11	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ	-	-
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4216 m ²	11,59 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1162 m ²	2,9 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	725 m ²	1,8 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	-	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	143 m ²	0,36 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	728 m ²	1,8 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng pha sữa (m ²)	-	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	185 m ²	5 m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	195 m ²	0,4 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	11	01 bộ/nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		-
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	05	05 bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		
1	Máy vi tính	11	01 thiết bị/nhóm (lớp)

2	Máy chiếu	01	01 thiết bị/trường
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	-	
2	Máy in	04	
3	Cassette	-	thiết bị/01 nhóm (lớp)
4	Đầu Video/dầu đĩa	-	thiết bị/01 nhóm (lớp)
5	Bàn ghế đúng quy cách	190	16 bộ /01 nhóm (lớp)
6	Máy điều hoà	02	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12	12		0.45m ²	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	-	-	-	-	-

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Gò Vấp, ngày 05 tháng 9 năm 2024



Nguyễn Thị Kim Oanh